

Số: 92/2024/QĐST-HNGĐ

Quận 3, ngày 20 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213, 361 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 21/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/. Bà T.T.N.Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 27/40/106 C, Phường S, Quận B, Thành phố H.

2/. Ông V.P.K, sinh năm 1976

Địa chỉ: Kế số 113H/15 N.D, Phường MB, Quận T, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Số 5 P, Phường ML, Quận T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 442/TLKH-BS ngày 05/12/2019 do Ủy ban nhân dân Phường MB, Quận T, Thành phố H cấp cho bà T.T.N.Đ và ông V.P.K thì quan hệ hôn nhân của bà Đ và ông K là hôn nhân hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T.T.N.Đ và ông V.P.K đều xác nhận do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, bất đồng ý kiến dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đều thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của bà Đ và ông K là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[3] Về con chung: Cả hai đều khai có 01 (một) con chung tên V.P.U, sinh ngày 12/9/2005, hiện đã thành niên.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 3 năm 2024, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T.T.N.Đ và ông V.P.K thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Cả hai đều khai có 01 (một) con chung tên V.P.U, sinh ngày 12/9/2005, hiện đã thành niên.
- Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng, bà Đ – ông K phải chịu và được căn trừ vào tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0002482 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ – ông K đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- UBND P.14, Quận 8;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh Phượng